TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 45/2017/DS-ST

Ngày: 15 - 8 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Dân

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- ĐạDiện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Bà Danh Thu Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2016/TLST- DS, ngày 28 tháng 11 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988, trú tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị H (Hiền), sinh năm 1973 và ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1969 (chồng bà H), cùng trú tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (bà H hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Định Thành (An Giang); bà H và ông Đ xin xét xử vắng mặt).

NỘDUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2016 và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Vào ngày 13/4/2014 (âm lịch) bà Huỳnh Thị H (gọi tắt là bà H) vay của chị

Nguyễn Thị D (gọi tắt là chị D) số tiền 40.000.000 đồng, do quen biết nên hai bên không có làm biên nhận, lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Từ khi vay đến nay bà H có trả lãi cho chị D được 10.000.000 đồng. Sau đó thì bà H bỏ trốn khỏi địa phương và bị bắt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đến nay vợ chồng bà H và ông Đặng Hoàng Đ (gọi tắt là ông Đ) chưa trả số tiền trên cho chị D.

Nay chị D yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà H trả số tiền vay còn thiếu là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính thêm lãi suất.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 7 năm 2017 bà Huỳnh Thị H thừa nhận: Trước đây vào năm 2014 có vay và còn nợ lại chị D số tiền là 40.000.000 đồng, bà H hẹn khi nào ra tù có điều kiện sẽ trả số tiền trên lại cho chị D.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 7 năm 2017 đồng bị đơn ông Đặng Hoàng Đ trình bày: Ông Đ thống nhất theo lời trình bày của bà H tại biên bản lấy lời khai ngày 7/7/2017 không có ý kiến gì thêm. Vì lý do bận đi làm ăn xa nên ông Đ xin được xét xử vắng mặt.

Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm có: Biên bản lấy lời khai bà H ngày 07/7/2017; Biên bản lấy lời khai ông Đ ngày 20/7/2017.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận việc bà H xin ra tù mới trả nợ.

Đại Diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 của Tòa án (có xác nhận của Trại giam Định Thành) thì bà H thừa nhận có vay và còn nợ lại chị D số tiền 40.000.000 đồng, nhưng hẹn ra tù có điều kiện mới trả nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng***: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 bị đơn bà Huỳnh Thị H xin được xét xử vắng mặt vì lý do đang bị tù giam nên không thể đến tham dự phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2017 đồng bị đơn là ông Đặng Hoàng Đ (chồng bà H) cũng xin được xét xử vắng mặt vì lý do đi làm ăn xa. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. ***Xét về nộDung tranh chấp***: Xét yêu cầu của chị D đòi vợ chồng bà H và ông Đ trả số tiền vay 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 bị đơn bà H thừa nhận vào năm 2014 có vay và còn nợ lại chị D số tiền 40.000.000 đồng đến nay chưa trả. Bà H hẹn khi nào ra tù có điều kiện sẽ trả số nợ trên cho bà D.

Lời trình bày của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định việc bà H có vay và còn nợ lại chị D số tiền 40.000.000 đồng là có thật. Do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 40.000.000 là có cơ sở chấp nhận.

Xét về lãi suất: Bà H có trả lãi cho chị D được 10.000.000 đồng. Nếu tính lãi từ khi vay (ngày 14/4/2014 âm lịch) đến ngày xét xử 15/8/2017 (nhằm ngày 24/6/2017 âm lịch) là 38 tháng, số tiền lãi là khoảng 17.100.000 đồng. Do đó, nếu tính lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước thì bà H còn phải trả thêm tiền lãi cho chị D. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị D không yêu cầu tính thêm lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. ***Về thời hạn trả nợ***: Xét việc bà H thừa nhận còn nợ và hẹn khi nào ra tù sẽ trả cho bà D nhưng phía nguyên đơn không đồng ý, Hội đồng xét xử cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần III, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "*Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành"*. Do đó việc bà H hẹn khi nào ra tù sẽ trả nợ cho chị D là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. ***Về trách nhiệm trả nợ***:

Tại phiên tòa, chị D trình bày việc bà H vay tiền ông Đ cũng biết. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2017 ông Đ cũng thống nhất với lời trình bày của bà H trong biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017. Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30…của Luật này*".

Đồng thời tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng quy định: "*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: ...Nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình..."*.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng ông Đ, bà H chịu trách nhiệm

liên đới trả cho chị D số tiền vay còn thiếu là 40.000.000 đồng.

[5]. ***Về án phí***: Vợ chồng ông Đ, bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng.

Chị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000874 ngày 22/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 468, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 5, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D đối với bị đơn bà Huỳnh Thị H và ông Đặng Hoàng Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

2. Buộc bà Huỳnh Thị H và ông Đặng Hoàng Đ chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Đ, bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Chị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000874, ngày 22/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh KG;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Tuấn Khanh